

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HN&GD-ST

Ngày: 19/7/2022

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Đỗ Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tích và bà Hứa Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 19/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2022/TLST-HN&GD ngày 21/02/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXX-ST ngày 22/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X – sinh năm 1973,

Bị đơn: Anh Tăng Tự M – sinh năm 1972,

Đều ĐKKHKT, trú tại: Thôn Hợp Nh, xã Lai V, huyện KT, tỉnh HD.

(*Chị X, anh M có đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đăng ký tại UBND xã Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ngày 15/11/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng thực sự hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M không chung thủy, thường qua lại với những người phụ nữ khác, hay đi nhậu đêm rồi về chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị X. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều

lần nhưng không được, quá trình chung sống chị X đã nhiều lần bỏ về nhà ngoại sống, lần cuối cùng là khoảng đầu năm 2020 chị X bỏ về nhà ngoại sống từ đó đến nay, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, anh M không động viên chị quay về, ngày vào tháng 4 âm lịch, anh Mạnh điện thoại đe dọa, chửi bới làm chị phải tắt điện thoại để cho cuộc sống được yên ổn. Nay, chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị X xác định vợ chồng có 03 con chung là Tăng Thị Tú A, sinh năm 1993; Tăng Thị Hồng A, sinh năm 1998 và Tăng Anh T, sinh năm 2012. Cháu Tú A và cháu Hồng A đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị tự nguyện giao con Tăng Anh T cho anh Tăng Tự M chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện tại cháu Tuấn đang ở cùng anh M và anh M có thu nhập từ việc cho thuê nhà trọ nên sẽ đảm bảo việc nuôi con, chị X là lao động tự do, thu nhập bấp bênh nên không đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập anh M nhiều lần đến Tòa án để làm việc nhưng anh M đều vắng mặt. Tòa án đã trực tiếp về địa phương nơi anh M sinh sống để lấy lời khai. Tại biên bản ghi lời khai bị đơn anh Tăng Tự M trình bày: Anh và chị X được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đăng ký tại UBND xã Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ngày 15/11/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng thực sự hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh mở quán thịt chó để kiếm sống, chị X không muốn bán hàng cùng mà muốn đi chợ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, va chạm, đến tháng 2 năm 2020 chị X bỏ về nhà để sinh sống. Thời gian đầu anh có đến đón nhưng chị X không về, sau đó khi con gái chuẩn bị lập gia đình, chị X về nhà được khoảng 5 tháng, vợ chồng không cãi nhau nhưng chị Xuân đưa đơn xin ly hôn, anh không nhất trí vì liên quan đến tài sản của vợ chồng. Sau đó, chị X về nhà ngoại ở từ đó đến nay không về nhà, thì thoảng gửi cho con hộp sữa, gói bánh chứ không chăm sóc con, anh cũng đến gia đình Chị X để động viên chị X quay về nhưng không được. Nay chị X ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn vì anh xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, ly thân thời gian dài, không quan tâm chăm sóc nhau. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh vì công việc của anh bận không thể đến tham gia phiên tòa được.

Về con chung: Anh M xác định vợ chồng có 03 con chung là Tăng Thị Tú A, sinh năm 1993; Tăng Thị Hồng A, sinh năm 1998 và Tăng Anh T, sinh năm 2012. Cháu Tú Anh và cháu Hồng A đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu

giải quyết. Từ khi chị X bỏ đi, anh trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con Tăng Anh T, anh đề nghị được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con Tăng Anh T, anh tự nguyện không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh có công việc và thu nhập, anh có mấy nhà trọ cho thuê nên thu nhập hàng tháng luôn đảm bảo để nuôi con. Anh tự nguyện không yêu cầu Chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Qua xác minh tại UBND xã Lai Vu, huyện Kim Thành: Chị Nguyễn Thị X và anh Tăng Tự M là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Chị Xuân và anh M kết hôn ngày 15/11/1991 tại UBND xã Lai Vu, huyện Kim Thành, quá trình chung sống Chị X và anh M có mâu thuẫn như nào thì địa phương không nắm được cụ thể, tuy nhiên chị X bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống từ năm 2020 đến nay không chung sống cùng anh M nữa.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Tăng Thị Tú A là con của chị X, anh M thể hiện: cháu chứng kiến nhiều lần bố mẹ cãi nhau; mẹ bỏ về nhà ngoại từ năm 2020, sau đó đến năm 2021 cháu lập gia đình, mẹ về một thời gian, bố mẹ lại cãi nhau, mẹ tiếp tục bỏ sang nhà ông bà ngoại sống từ đó đến nay.

Cháu Tăng Anh T trình bày: Từ khi mẹ bỏ đi, cháu sống cùng bố và cháu đề nghị được ở cùng với anh M.

Tại phiên tòa: Chị X, anh M có đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Tăng Tự Mạnh. Về con chung: Áp dụng Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao cháu Tăng Anh T – sinh năm 2012 cho anh Tăng Tự M tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Đối với 02 con chung Tăng Thị Tú A, sinh năm 1993; Tăng Thị Hồng A, sinh năm 1998 đã trưởng thành, tự lập nên không đặt ra việc giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài

sản chung, nợ chung: Chị Xuân, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị X phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Chị Nguyễn Thị X, anh Tăng Tự M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị X, anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Tăng Tự M kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị X thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh M là trong quá trình chung sống, vợ chồng hay cãi nhau, chị X không tin tưởng anh Mạnh về tình cảm, anh M đã nhiều lần tát và xúc phạm chị X, từ năm 2020 chị X bỏ về nhà bố mẹ để sống, vợ chồng sống ly thân. Năm 2021 đến khi con gái anh chị lập gia đình, chị X về sống cùng bố con anh M được khoảng 5 tháng lại tiếp tục bỏ về nhà ngoại sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Toà án đã triệu tập anh anh M đến để tham gia hoà giải nhưng anh M vắng mặt, thể hiện anh M để mặc cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ. Anh M xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hiện vẫn sống ly thân nên anh đồng ý ly hôn với Chị X, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Tăng Tự M là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Chị X, anh M xác định vợ chồng có 03 con chung là Tăng Thị Tú A, sinh năm 1993; Tăng Thị Hồng A, sinh năm 1998 và Tăng Anh T, sinh năm 2012. Cháu Tú A và cháu Hồng A đều đã trưởng thành nên chị X, anh M không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, cháu Tú A và Hồng A đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, hai cháu đều tự lo cho bản thân, anh M và Chị X đều không yêu cầu giải quyết. Xét đề nghị của chị X về việc giao cháu Anh T cho anh M thì thấy, hiện chị X là lao động tự do, thu nhập bấp bênh, chị X hiện đang ở nhà tại nhà bố mẹ đẻ; từ khi chị X bỏ nhà đi anh M chăm sóc và nuôi dưỡng con Tăng Anh T luôn đảm bảo, cháu Anh T có nguyện vọng được ở với anh M; anh M có quan điểm đề nghị được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con Tăng Anh T, anh tự nguyện không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con, vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định và không bị xáo trộn cuộc sống của con chung nên giao con Tăng Anh T cho anh Tăng Tự M tiếp tục chăm sóc và nuôi

dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M, không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X, anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị X có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Tăng Tự M

2. Về quan hệ con chung: 02 con chung Tăng Thị Tú A, sinh năm 1993; Tăng Thị Hồng A, sinh năm 1998 đều đã trưởng thành, tự lập, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết. Giao con chung Tăng Anh T, sinh ngày 31/3/2012 cho anh Tăng Tự M tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung Anh T trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2020/0002648 ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị X, anh M. Chị X, anh M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Lai Vu, huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

Đỗ Thị Hạnh